

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/2020
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **TRẦN VĂN NHU**
2. Ông **TRẦN THANH TÙNG**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 869/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **NGUYỄN THỊ YẾN N**, sinh năm 1995

HKTT: ấp LN, xã MLA, huyện CB, tỉnh TG.

Địa chỉ: ấp MP, xã TM, huyện TÔ, tỉnh VL.

* *Bị đơn:* Anh **LÊ THANH C**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp LN, xã MLA, huyện CB, tỉnh TG.

(Chị N có mặt, anh C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:

Chị và anh C xác lập quan hệ vợ chồng năm 2012, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, anh C hay ghen tuông vô cớ và có lời nói xúc phạm chị nhiều lần, anh không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng từ đó dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau, vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, do không thể tiếp tục chung sống được nên vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 9 năm 2019 đến nay. Nay chị xin ly hôn anh C.

+ Về con chung : Anh chị có 02 con chung tên: Lê Kim A, sinh ngày 06/5/2012 và Lê Kim H, sinh ngày 09/10/2015, khi ly hôn chị đồng ý để anh C nuôi 02 con chung, chị không phải cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Lê Thanh C trình bày: Anh và chị Nhi xác lập quan hệ hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân, nguyên nhân theo anh là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, thường xuyên cự cãi nhau, do không chung sống được nên vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Quá trình chung sống có 02 con chung theo vợ anh trình bày là đúng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Nay anh xác định còn tình cảm với chị N nên anh không đồng ý ly hôn, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Anh Lê Thanh C có đơn xin giải quyết và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh C là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- **Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân : Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Lê Thanh C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Theo lời chị N khai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cho nhau cơ hội để hàn gắn, tuy nhiên không chung sống được với nhau nên đến tháng 9 năm 2019 thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và ly thân. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, anh C hay ghen tuông vô cớ và có lời nói xúc phạm chị nhiều lần, anh không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng từ đó dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau, vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, do không thể tiếp tục chung sống được nên vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 9 năm 2019 đến nay. Nay chị xin ly hôn anh C. Còn anh C có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt anh, tuy nhiên theo tờ tự khai anh cung cấp cho Tòa án, anh cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên anh cho rằng mâu thuẫn không lớn, anh còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy phía chị N và anh C đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, đến tháng 7 năm 2019 lại tiếp tục mâu thuẫn và ly thân nhau, phía anh C mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, phía chị N xác định không còn tình cảm với anh và không thể tiếp tục sống chung với anh C, chứng tỏ tình cảm của anh chị đã thật sự tan vỡ không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị được ly hôn anh C là phù hợp theo điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Kim A, sinh ngày 06/5/2012 và Lê Kim H, sinh ngày 09/10/2015. Tại phiên tòa chị N đồng ý để anh C tiếp tục nuôi 02 con chung, phía anh C vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên anh cũng có ý kiến mong muốn nuôi 02 con chung nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, mặc khác qua tham khảo ý kiến của cháu Lê Kim A cũng mong muốn sống với cha, do vậy hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của 02 cháu và để đảm bảo sự phát triển của 02 cháu nên tiếp tục giao 02 con chung cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu chị N cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Yến N.

Cho chị Nguyễn Thị Yến N được ly hôn anh Lê Thanh C.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao 02 con chung cháu Lê Kim A, sinh ngày 06/5/2012 và cháu Lê Kim H, sinh ngày 09/10/2015 cho anh C nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Yến N không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Chị Nguyễn Thị Yến N được quyền thăm nom 02 con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0002852 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh TG xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TRUNG TÍNH